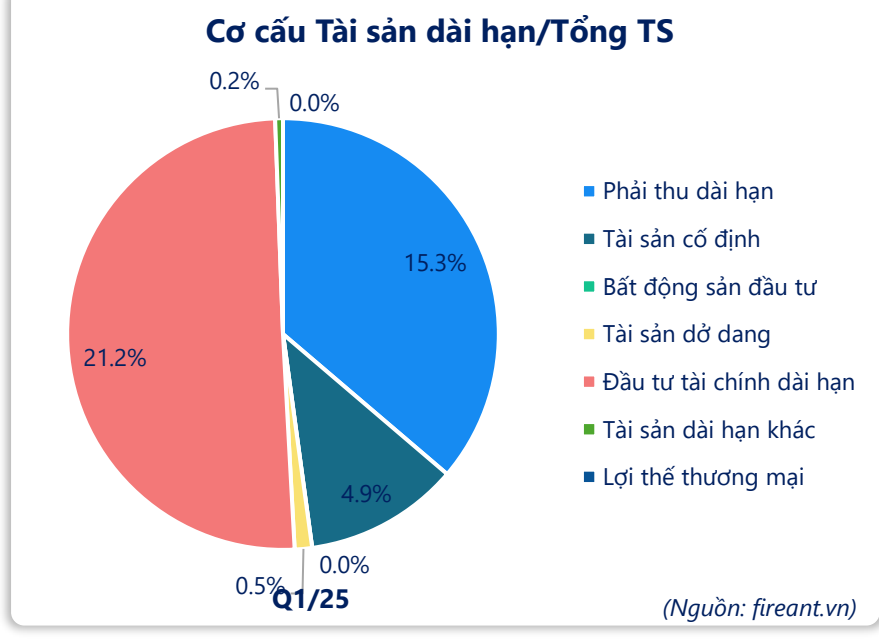
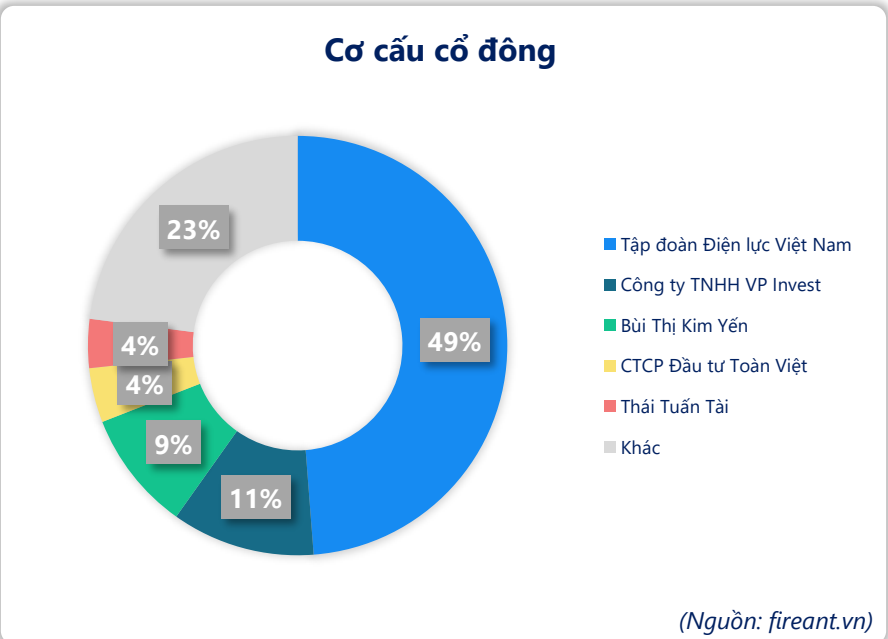
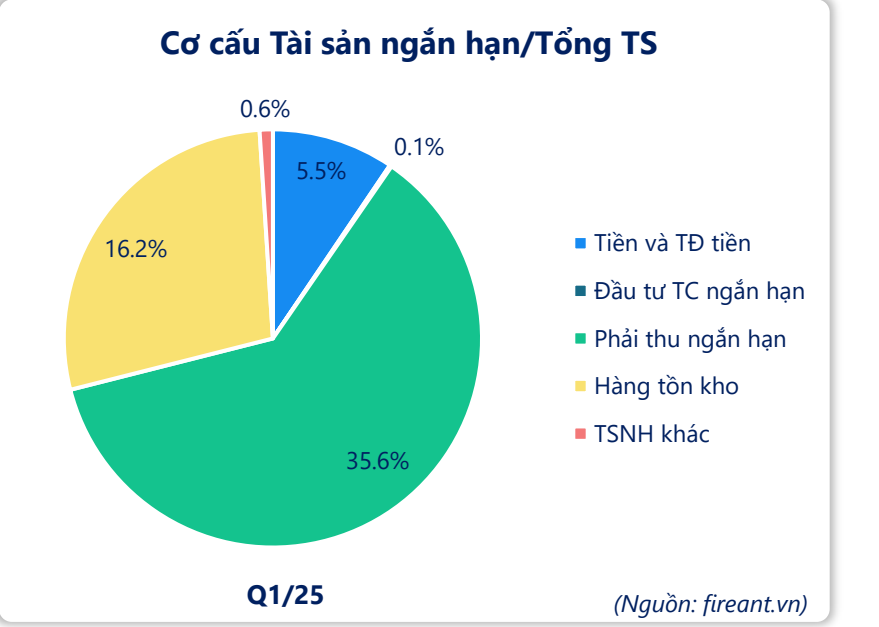
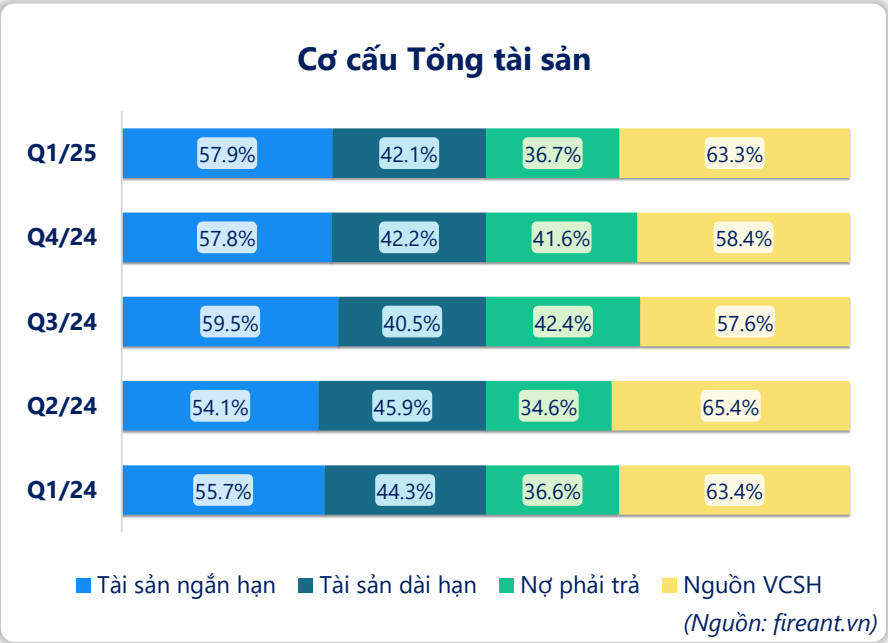
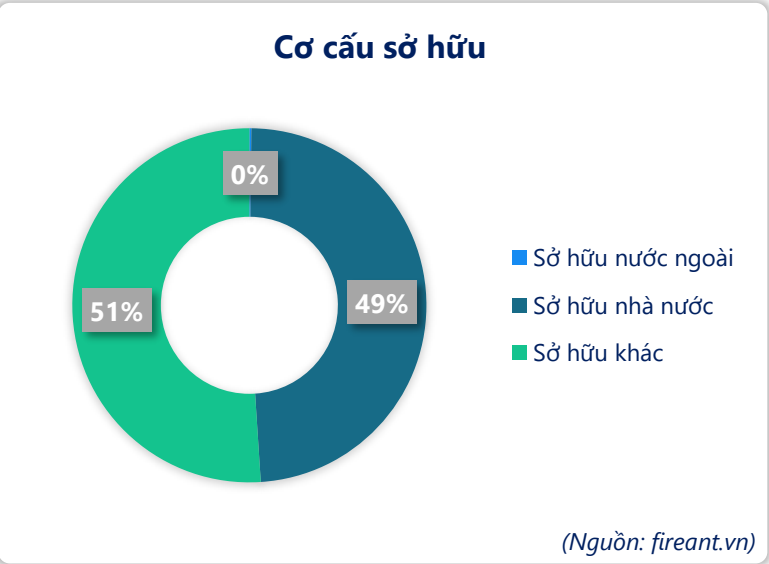
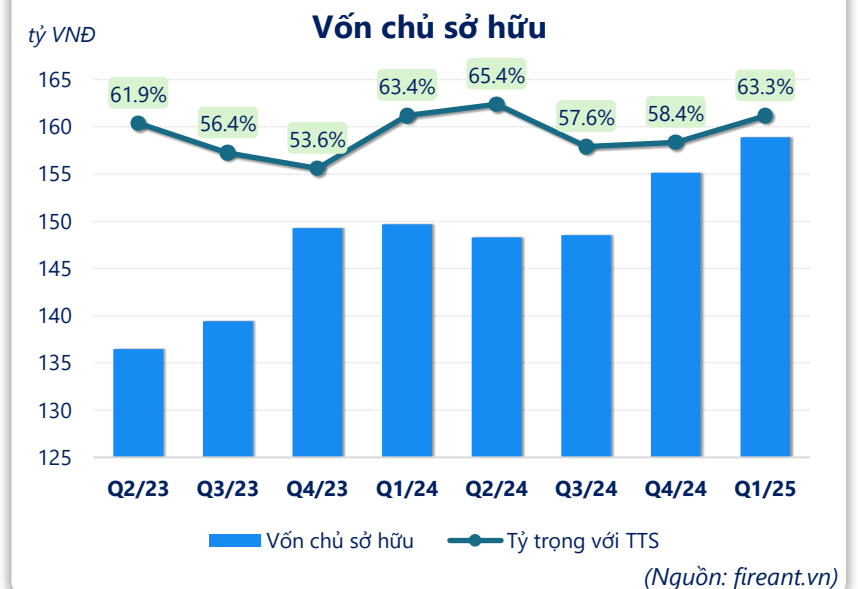
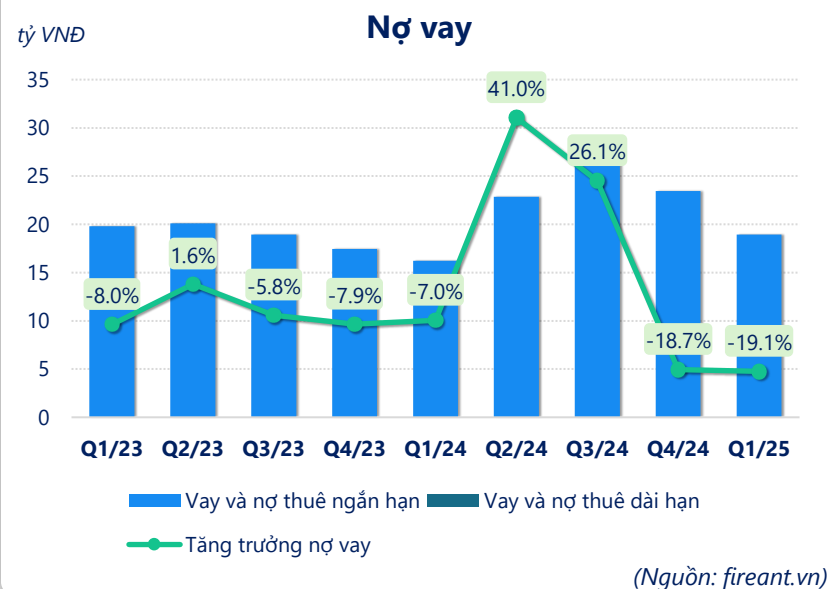
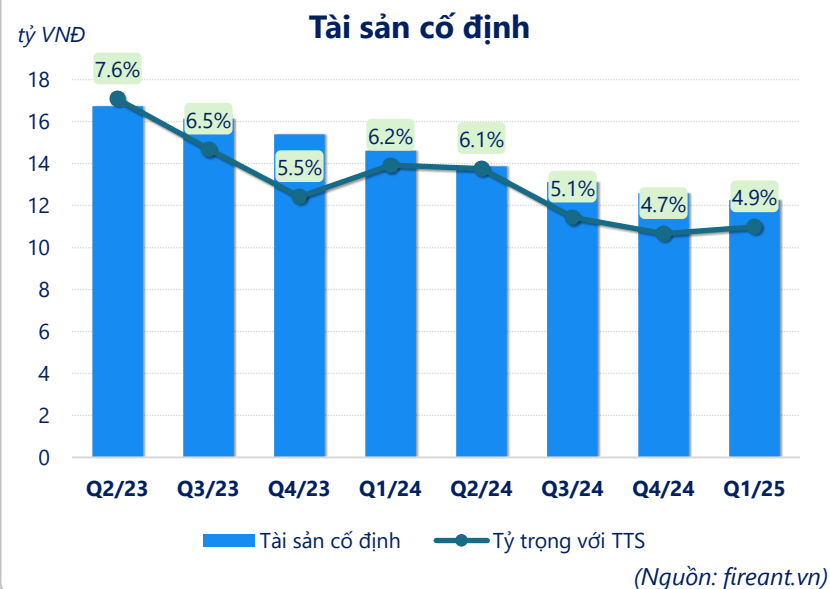
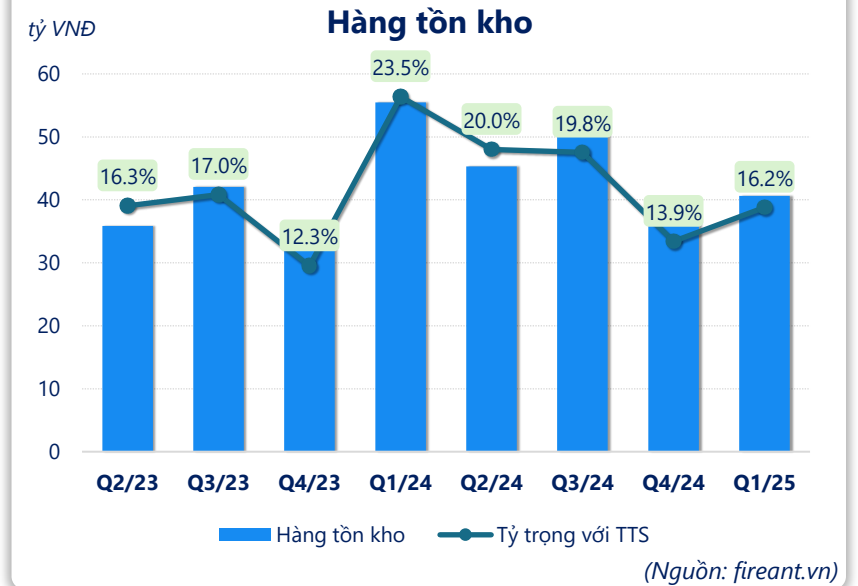
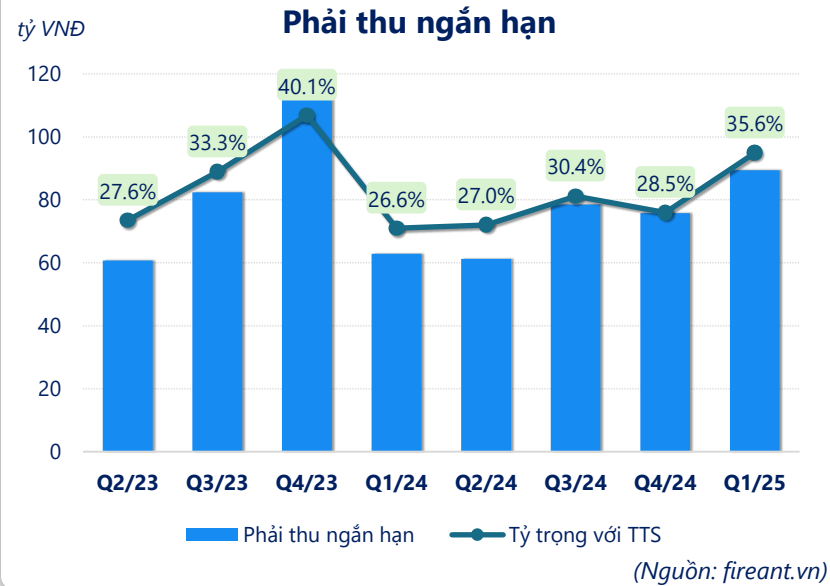
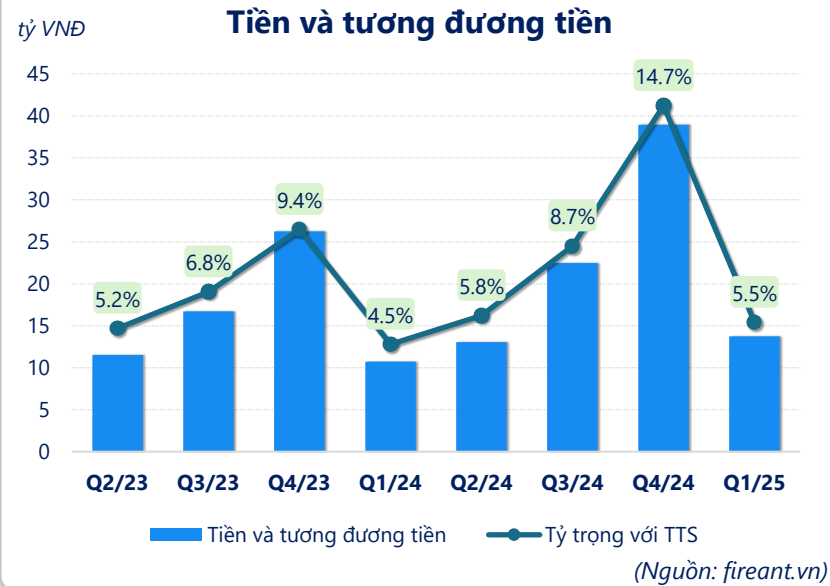
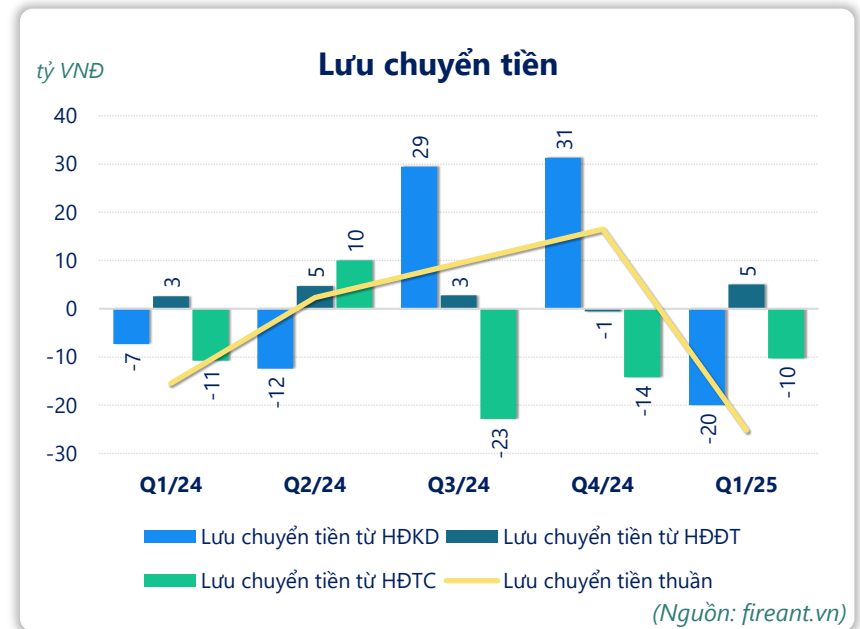
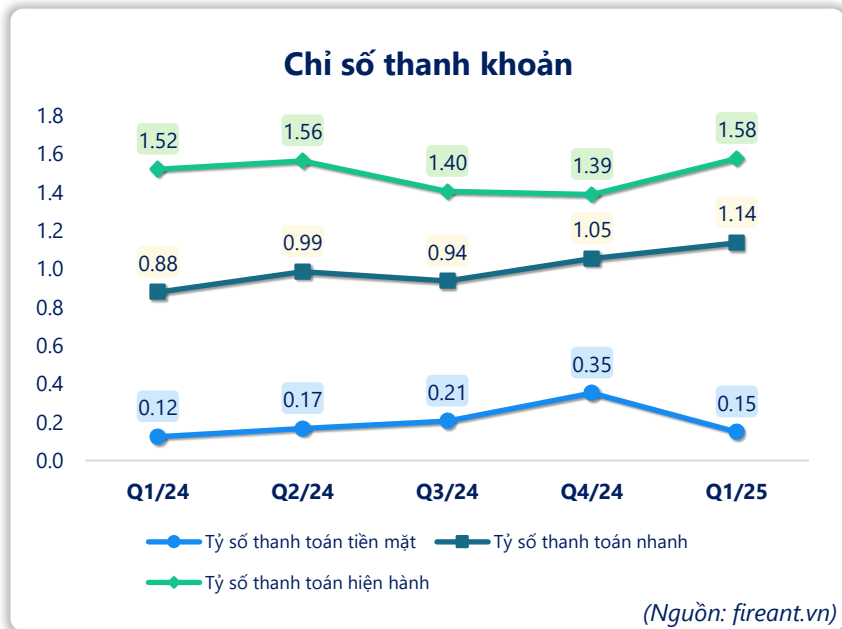
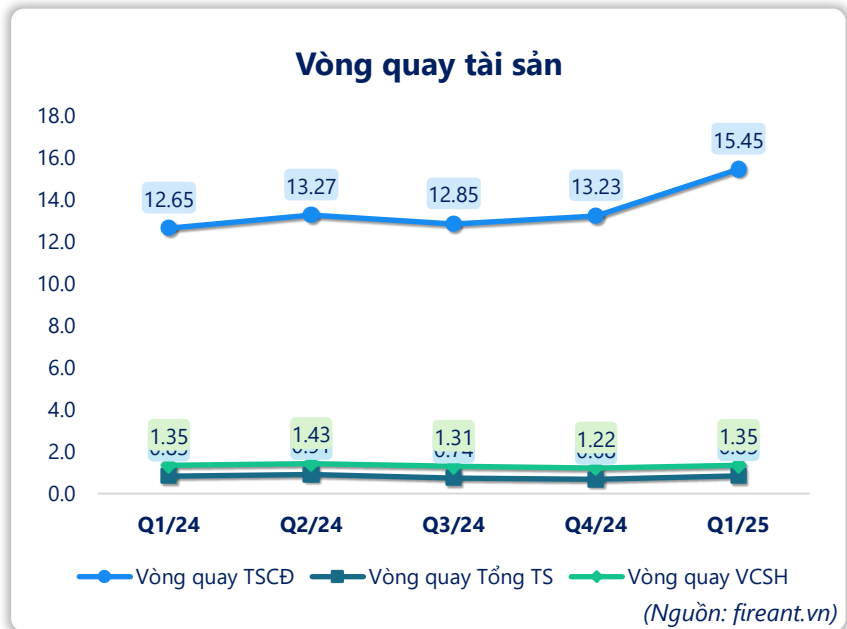
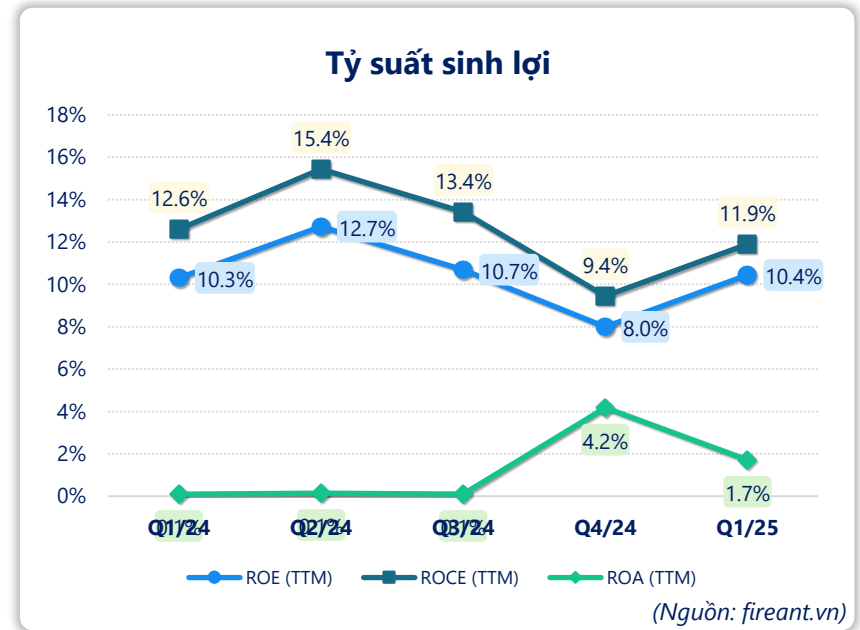
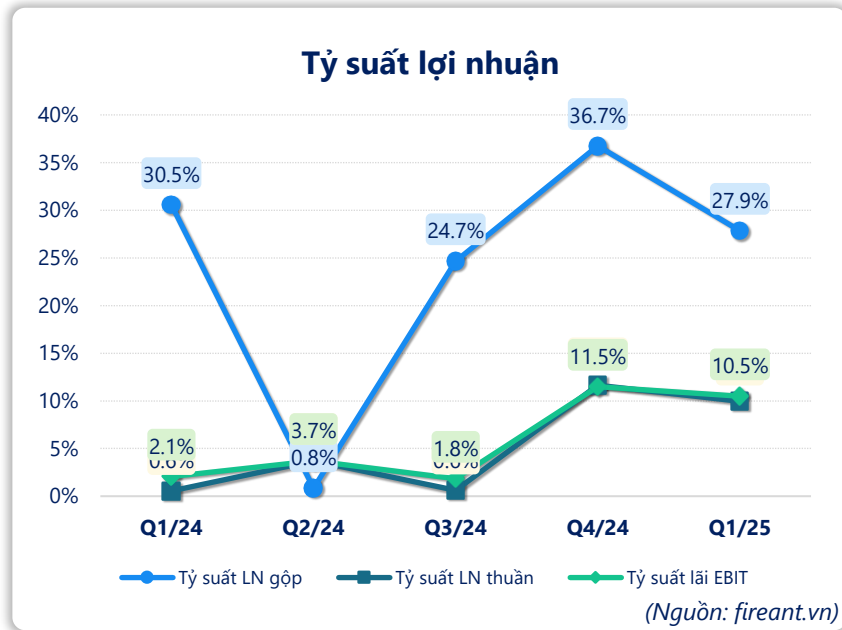
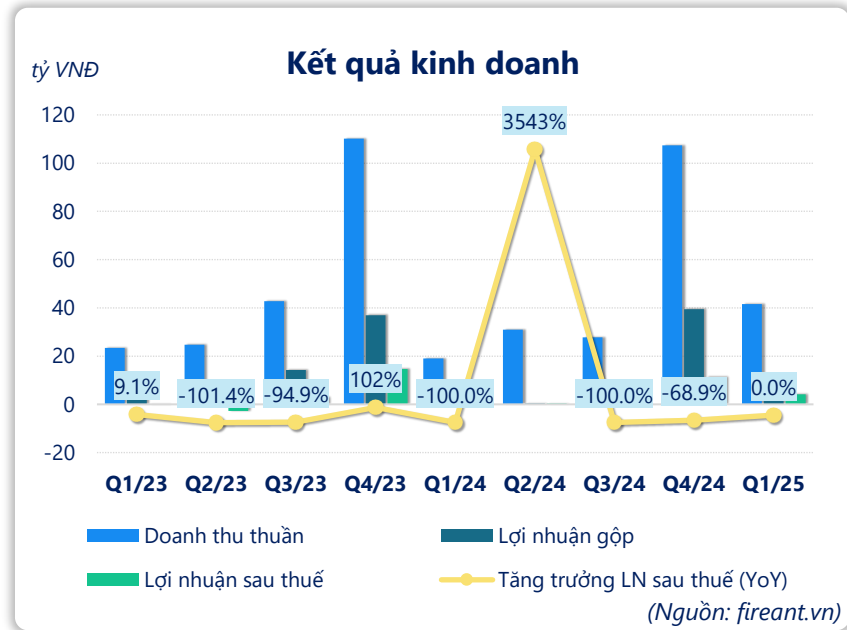


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,400
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		13,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		10,500
SL cổ phiếu LH		9,517,289
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,745
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		118
P/E		7.3
EPS		1,693

	YTD	1T	3T	6T
TV3	9.7%	-1.6%	7.8%	7.8%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	251	266	-5.5%
Tài sản ngắn hạn	145	154	-5.3%
Tiền và tương đương tiền	13.8	38.9	-64.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.22	0.22	0.0%
Phải thu ngắn hạn	89.3	76.0	17.6%
Hàng tồn kho	40.6	36.6	10.8%
Tài sản ngắn hạn khác	1.49	1.73	-14.1%
Tài sản dài hạn	106	112	-5.7%
Phải thu dài hạn	38.3	44.4	-13.7%
Tài sản cố định	12.3	12.6	-2.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.37	1.37	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	53.2	53.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.62	0.64	-3.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	92.2	111	-16.9%
Nợ ngắn hạn	92.2	111	-16.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	19.0	23.4	-19.1%
Phải trả người bán ngắn hạn	6.57	15.4	-57.2%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	159	155	2.7%
Vốn chủ sở hữu	159	155	2.7%
Vốn điều lệ	95.2	95.2	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	19.0	31.0	27.8	107	41.6
Giá vốn hàng bán	13.2	30.7	20.9	67.9	30.0
Lợi nhuận gộp	5.81	0.26	6.85	39.4	11.6
Doanh thu HĐTC	2.60	5.15	2.93	0.64	5.09
Chi phí TC	0.31	0.43	0.55	0.61	0.45
Chi phí lãi vay	0.16	0.20	0.26	0.22	0.18
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.89	1.15	2.09	5.54	3.39
Chi phí QLDN	7.09	2.68	6.97	21.4	8.71
LN thuần từ HĐKD	0.11	1.15	0.17	12.5	4.14
Lợi nhuận khác	0.13	-0.20	0.08	-0.39	0.05
LN trước thuế	0.24	0.95	0.25	12.1	4.18
Lợi nhuận sau thuế	0.24	0.32	0.25	11.4	4.18
LNST của CĐ cty mẹ	0.24	0.32	0.25	11.4	4.18

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-7.30	-12.4	29.4	31.3	-19.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.60	4.72	2.78	-0.56	5.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-10.8	10.0	-22.8	-14.2	-10.3
Tiền đầu kỳ	26.2	10.7	13.1	22.5	38.9
Lưu chuyển tiền thuần	-15.5	2.32	9.40	16.5	-25.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0.00	0	0
Tiền cuối kỳ	10.7	13.1	22.5	38.9	13.8

(Nguồn: fireant.vn)